

Một Chuyến Vượt Biên

Bác Sĩ Phùng Văn Hạnh

Tôi ra tù tháng hai, 1988, sau 12 năm tập trung cải tạo. Về Saigon thấy mình lạc lõng giữa một xã hội đã đổi thay. Hàng xóm láng giềng lạ hoắc. Phố phường nghẹt người, mà phần lớn là dân nghèo lo chạy vạy miếng ăn. Không có xe ô-tô, mà rất nhiều xe đạp, chạy ngay giữa lòng đường. Bạn bè bà con vượt biên hoặc đi chính thức gần hết. Ba đứa con đầu, vượt biên năm 1983, hiện ở Canada, có gửi giấy về bảo lãnh gia đình. Đến cơ quan công quyền, nộp đơn xin xuất ngoại thì họ bảo chưa cứu xét. Nghe người ta mách nước, tìm cách đi ngỏ sau, tối đến gặp một nhân viên cao cấp tại nhà y, được chỉ dẫn cách làm giấy tờ và lo lót bạc tiền. Thủ tục rườm rà và đòi hỏi nhiều kiên nhẫn. Nhân có một người bạn tù đến chơi. Anh ta ngỏ ý về cuộc vượt biên anh ta đang tổ chức rất an toàn vì có một trung tá công an hợp tác. Thế là tôi, vợ tôi, cùng 4 con (3 gái, 1 trai) quyết ý tham dự. Ngày ra đi vào giữa tháng năm 88. Chưa được quyền công dân, không thể mở phòng mạch lại được. Mỗi tuần lại phải ra phường trình diện và viết kiểm điểm. Cứ vài tối lại có công an đến nhà gõ cửa vào xem tôi có ở nhà không. Có khi giữa khuya, họ vào tận giường ngủ để kiểm soát. Đi ra khỏi thành phố, phải xin giấy phép. Ra đường thỉnh thoảng lại gặp cặp mắt rình mò. Đúng là một nhà tù lớn.

Một buổi trưa, y như lời giao hẹn trước, gia đình tôi 6 người, chia làm 3 nhóm, rời nhà ở ba thời điểm khác nhau. Người đến đón nói mật khẩu, tôi và đứa con gái út theo y ra đường. Sau ba lần thay xe lam, trên một lộ trình lâu độ hai giờ, chúng tôi đến một làng ngoại ô, gần sông Saigon. Xuống đi bộ chừng 10 phút, chúng tôi vào một nhà dân địa phương, lợp lá dừa, thấp lè tè, cạnh một con lạch sâu sấp nước. Dừa mọc san sát hai bên bờ lạch làm dòng nước trở nên tối sẫm. Bà chủ nhà dọn cho chúng tôi ăn cơm tối với muối mè. Anh dẫn đường là con bà chủ nhà. Trời tối hẳn. Ông chủ nhà về, dẫn chúng tôi ra ghe câu đậu trong lạch. Ông bắt chúng tôi nằm vào đáy thuyền. Vừa vạy hai người. Ông phủ lên chúng tôi một tấm bạt, trên tấm bạt để lưới và cần câu. Lúc ấy độ 9 giờ tối. Ghe chống loạt soạt trong lạch độ nửa giờ thì ra sông Saigon: nghe sóng vỗ lép bép và gió đêm mát lạnh. Hôm ấy chắc là một đêm cuối tháng Âm lịch. Đến khuya đi ngang qua một đồn công an ven sông, mà trời vẫn tối đen. Thuyền đi bên bờ này, đồn ở bên kia bờ, song vẫn thấy ánh đèn tù trong đồn hắt ra và tiếng va chạm đĩa bát ăn khuya. Ông lái thuyền bình tĩnh chèo Thuyền lướt đi êm ả. Đến gần sáng thuyền tấp vào một bãi nổi, sủ vệt mọc đầy. Ông ta bảo chúng tôi leo lên bờ tìm chỗ ẩn núp. Ông giao cho bốn gói cơm muối mè, rồi chống ghe đi đánh cá.

Ngồi trên rễ cây bò trên nền đất ướt, dưới tàn lá sum sê, chúng tôi chịu đựng muỗi mòng chích đau điếng. Đến chạng vạng, ông đánh cá trở lại. Lần này được ăn cá tươi bắt trong ngày và cơm nóng ông nấu. Trời tối mịt, chúng tôi lại vào thuyền. Ông chống đi độ một giờ. Bỗng có tiếng tàu máy nghe rất gần, ông ghé thuyền vào bờ, hối chúng tôi nhảy lên bờ gấp. Bờ đất bùn lún tận nửa ống chân. Ông ta chống ghe đi và bảo tìm chỗ núp, có lẽ tàu tuần công an đang ở gần. Lò dò trong tối, chúng tôi tìm chỗ ẩn sau một gò đất. Lo sợ hải hùng. Bị bắt lại, vô tù là cái chắc. Nhưng viễn ảnh bị bỏ lại trong khi vợ con may đi thoát và gia đình lại ly tán một lần nữa làm tôi lạnh cả người. May thay nửa giờ sau ông ta trở lại và chở chúng tôi đi. Ông ta chắc quen đường lắm. Chung quanh chỉ thấy mờ mờ. Một giờ sau tôi nghe ghe chạm vào một chướng vật và nghe có tiếng nói rất khê: leo lên mau. Thì ra có một chiếc tàu đậu im lìm, be tàu ngang ngực tôi. Có người trên tàu kéo đứa con gái tôi lên. Tôi bám vào thành tàu và đu người lên. Trên sàn tàu lố nhố đông người. Tôi và đứa con bị ấn vào khoang tàu. Ở đây có một ngọn đèn chạy bằng pin, sáng mờ mờ. Không khí ngột ngạt. Tôi thoáng thấy vợ và ba đứa con ngồi ép sát vào nhau ở góc phòng. Thế là vui rồi. Không có ai bị kẹt lại. Máy tàu nổ rì rì, và bắt đầu hướng ra Cáp. Lúc đó độ 11 giờ đêm.

Chùng sáng mờ mờ tàu đến Cáp. Sương phủ trên cửa biển. Hải đăng Vũng tàu hiện ra ở bên trái. Người phụ tài công là một công an. Anh ta theo tàu ra tận biển xa để bảo đảm không bị tàu tuần tra công an xét hỏi. Rồi anh xuống một ghe máy buộc sau tàu từ tối qua, trở lại đất liền. Trước khi rời tàu, tài công đưa anh ta hai lượng vàng. Trời nắng dịu, gió biển nhẹ hây hây. Núi Vũng tàu chỉ còn một chỏm nhỏ. Tôi cảm thấy buồn vô hạn. Có thể đây là lần chót mình nhìn được quê hương. Bây giờ mọi lo sợ được lắng đi, tôi mới có thì giờ quan sát chiếc tàu. Dài độ 12m, ngang độ 4m. Tàu gỗ, cũ kỹ. Khoang tàu là một nhà nhỏ có mái tôn, có cửa sổ lắp kính hai bên, và một cửa lớn thông ra sàn

tàu phía trước. Rộng 3m, dài 4m, cao 2m mà 1m lún sâu dưới sàn tàu, khoang tàu thông với buồng máy ở một tầng thấp hơn. Khói từ máy tàu bốc lên, một phần phả vào khoang tàu làm nơi đây ngột ngạt thêm. Tốc độ tàu chừng 15km/giờ. Đáy tàu có nước nhĩ vào, nên ngày đêm cánh dàn ông trên tàu chia phiên nhau tát nước ra. Trên tàu có độ 60 người cả nam lẫn nữ và 8 em nhỏ dưới 12 tuổi. Chùng ấy người chia ba diện tích sống: khoang tàu, hầm tàu và sàn tàu. Phần lớn ngồi trên sàn tàu vì nơi đây thoáng.

Không biết anh tài công lái thế nào, mà chiều ngày đầu trên biển thì thấy tàu khoan dầu Liên Xô ở chân trời. Thế là vội vã đổi hướng. Cuối ngày thứ hai thì thấy hiện ra giải đất mờ mờ ở chân trời mà nhiều người bảo là Côn Sơn. Tàu lại đổi hướng lại lần nữa. Qua ngày thứ ba, mọi người đều nhốn nháo vì hết nước uống và đồ ăn. Đêm khởi hành trên sông Saigon, thuyền tiếp tế nước và đồ ăn bị động, không đến điểm hẹn được. Cuối ngày thứ ba, tàu phải ghé vào một tàu đánh cá quốc doanh xin nước uống và đồ ăn. Trong quá khứ, tàu quốc doanh hay kéo tàu vượt biên vào bờ cho công an. Nhưng bây giờ họ thấy lợi hơn là khai thác người vượt biên nên họ bán nước và đồ ăn với giá cắt cổ. Tất cả tiền đều gom hết đưa cho họ (tiền này bây giờ đâu còn giá trị nên chúng tôi sẵn sàng đưa cho họ.) Còn phải trả thêm vàng. Gia đình tôi phải bỏ ra một nhẫn vàng. Thế nhưng tiếp tế này chỉ đủ dùng trong một ngày một đêm. Đến ngày thứ năm lại phải kiếm tàu khác xin nước và thức ăn. Các tàu buôn lớn ngoại quốc đều bỏ chạy ra xa, khi thấy người trên tàu vượt biên kêu cứu (lúc ấy là 1988, thế giới đã ngán ngẫm về việc vớt thuyền nhân, vì gặp phải nhiều phiền toái sau đó). Cuối ngày thứ năm, gặp được một tàu đánh cá. Lúc đến gần mới biết là tàu Thái lan. Thế là các cô gái vội vàng chui hết xuống hầm tàu. Tôi càng lạnh mình hơn nữa vì có vợ và ba cô con gái. Nhưng lại may quá sức. Gặp một tàu Thái lan lương thiện. Trên sàn tàu có thờ một tượng Phật rất lớn. Các thủy thủ Thái lan cho tàu vượt biên cập vào, và tiếp tế cho nhiều nước và thức ăn. Các thanh niên Việt sắp hàng, và một thủy thủ Thái cầm cái vôi nước xịt vào miệng cho uống thỏa thuê. Tối hôm ấy cả tàu ăn cơm no với cá biển kho.

Cũng trong tối ấy tôi thấy một tàu lớn nháy đèn chạy song song với tàu mình. Tờ mờ sáng hôm sau, tôi thấy tàu ấy mang tám biểu ngữ: "*Médecins sans frontière - vớt thuyền nhân biển đông*". Chúng tôi kêu cứu, và được tàu kia đáp ứng. Họ bắc loa gọi chúng tôi hãy bình tĩnh, cho tàu cập vào. Khi hai tàu cập vào nhau, họ quăng giây xuống cho chúng tôi nắm. Sau đó họ hạ thang xuống cho chúng tôi leo lên. Những người yếu và trẻ em, được thủy thủ xuống tận tàu nhỏ mang lên tàu lớn. Khi mọi người đã lên tàu, có 2 thủy thủ dùng canô kéo tàu nhỏ ra xa, đục lủng đáy tàu cho chìm, để khỏi gây nguy hiểm cho các tàu khác.

Mấy ngày trên tàu vượt biên, thời tiết rất tốt. Chỉ nắng và gió nhẹ. Tàu đi êm đềm như trong hồ. Tỉnh thoảng có cá heo chạy theo đuôi tàu đùa dỡn. Trên tàu vớt, tôi gặp bác sĩ Trang Châu, hành nghề ở Canada. Anh đi theo tàu, để có thể săn sóc y tế cho đồng bào vừa là thông ngôn. Thật là một nghĩa cử mà những người được vớt không bao giờ quên. Bác sĩ Châu, cũng như các bạn tổ chức chuyến đi của anh đã có một cử chỉ từ thiện mà thánh kinh bảo rằng tay trái mình làm, mà tay phải không biết. Không cần biết ơn mà chỉ khuyến khích người chịu ơn hãy tiếp tục làm những việc từ thiện vô danh như thế. Tàu vớt thuyền nhân do hội "*Médecins sans frontière*" thuê. Ông Bác sĩ Bernard Kouchner là chủ tịch hội này. Đó là loại tàu vận chuyển hàng hóa đường biển, có một hầm tàu rất lớn, có thể chứa 200 người. Hầm tàu rất thoáng, vì trần rất cao.

Thuyền nhân được đưa xuống hầm tàu, trải chiếu trên sàn để ngủ nghỉ. Bong tàu có buồng lái phía trước, đêm ngày đều có người túc trực, nhìn ra chân trời tìm tàu vượt biên. Giữa bong là dây phòng dành cho nhân viên đoàn cứu trợ và ký giả. Thuyền nhân được phát cà-phê, nước uống, áo quần giày dép. Có 3 bữa ăn : điểm tâm, cơm trưa và tối. Tắm rửa trong những phòng tiền chế ghép ở hông tàu. Chuyến của tôi là chuyến đầu tiên được vớt. Sau đó tàu cứu tử từ điều qua lộ trình phỏng đoán các chuyến vượt biên xuất phát từ Nam Việt nam để vớt tiếp. Quả nhiên trong hai tuần tiếp theo đã vớt thêm 4 tàu nữa.

Lúc được tàu vớt xem như chuyến vượt biên thành công 100%. Ai nấy cũng vui mừng. Họ quì xuống trên sàn tàu, đọc kinh, khấn Phật đã ban cho ân đức, may mắn to lớn đường ấy. Riêng tôi định mệnh đã nở một nụ cười rất xinh, sau bao nhiêu năm nghiệt ngã đầy đọa. Chuyến đi có những may mắn cực kỳ: Gặp tàu đánh cá Việt Cộng mà không bị kéo vào bờ, gặp tàu Thái Lan, nhưng là Thái lương thiện, thờ Phật, năm ngày trên biển trời êm bẽ lạng như đi

trong hồ. Cuối cùng là hành trình không định hướng rõ rệt lại đồng quy với lộ trình tàu Hội "Bác sĩ không biên giới" (médecins sans frontière). Người dân Âu Châu, tuy không có trách nhiệm gì về việc miền Nam bị CS thôn tính, song họ nhận trách nhiệm cứu vớt người vượt biên. Hào ý bắt nguồn từ truyền thống bác ái, thẩm nhuần nhân bản Thiên Chúa giáo và văn minh Hy-Lạp. Đáng lý, cộng đồng Việt hải ngoại phải có những buổi lễ cảm ơn hội "y sĩ không biên giới" và "Tàu Ánh Sáng của Đức đã có đũa thần ban phát hạnh phúc cho người đau khổ. Tình nhân loại thấm thiết xiết bao. Sau một tuần lễ lượn qua lại, tàu đã vớt thêm ba thuyền nữa. Sàn tàu đã hết chỗ nằm, trên 200 thuyền nhân được cứu vớt, tàu khởi hành đi về trại tỵ nạn Palawan ở Phi luật tân. Sau hai ngày hai đêm tàu cập bến, bỏ neo ở Hải cảng Puerto Princesa vào lúc sáng sớm. Chừng gần trưa phái đoàn trại tỵ nạn Palawan gồm ông Cao ủy Liên hiệp quốc và 5 thiện nguyện viên ra đón chúng tôi về trại, trên những xe lam ba bánh.

Những Ngày ở Trại Tị Nạn Palawan

Palawan là một hải đảo về phía nam của Phi luật tân. Ở đây có trại tị nạn cho thuyền nhân Việt nam. Lúc tôi đến, trại có độ 1000 người. Trại cách cảng Puerto Princesa độ 5km, nằm sát bên bờ biển. Trại là một khu vuông vức, một cạnh là bờ biển, ba cạnh kia, mỗi cạnh dài độ 500m. Trại nằm gần quần khu Palawan do một thiếu tướng Phi cầm đầu. An ninh trại do một trung tá Phi đảm nhiệm. Ông ta có doanh trại nằm trong trại. Cổng vào trại có lính Phi canh gác đêm ngày. Giữa trại là khu nhà Cao ủy Liên hiệp quốc, cùng văn phòng an ninh Phi. Về phương diện tôn giáo, có nhà thờ công giáo, Tin lành, Phật đường. Các sơ Phi, dòng Vincent de Paul, có nhà trong trại. Họ thường xuyên cung cấp áo quần mừng mền, dụng cụ nấu nướng cho trại viên. Ngoài ra họ đảm nhiệm trường dạy nghề, bảo trợ, giáo dục, an ủi các thanh thiếu niên nam nữ không có thân nhân đi theo. Sơ Lê thị Triều, đã tích cực quyên góp vật dụng, tài chánh để xây dựng, yểm trợ trại về mọi mặt, nhất là tiếp xúc với chính quyền Phi. Trường Việt ngữ là công trình của Sơ. Sơ cũng kêu gọi các nam nữ thanh niên thiện nguyện, đã định cư ở nước tự do, đến làm việc tại trại. Ngoại ngữ rất cần cho sự hội nhập ở nước định cư, vì thế các trường Anh, Pháp, Đức ngữ được mở ra trong trại và do các giáo viên Phi, các thiện nguyện Anh, Pháp, Đức đến dạy.

Chỉ có những dãy nhà cho ban điều hành trại là khang trang, tiện nghi, tường gạch, mái fibrociment. Còn nhà của trại viên làm bằng tre, lợp lá dừa. Mỗi nhà có 4 gia đình. Mỗi gia đình có từ 4 đến 6 người chia nhau một diện tích 6m². Vì thiếu chỗ ngủ, nên trại viên xin tre nứa về, làm thêm giường ngủ ở trên cao (xem như tầng hai nhỏ). 10 nhà họp thành một khu. Có 6 khu tất cả.

Dưới sự kiểm soát của Cao ủy và ban an ninh Phi là một Ủy ban hành chánh do trại viên bầu ra. Sáu trưởng khu cũng được bầu ra. UBHC có chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các trưởng ban: trật tự, học tập, ẩm thực, thư tín, tài chánh v.v..Xem như cộng đồng thuyền nhân tự cai quản. UBHC chỉ định chỗ ở cho trại viên mới đến, giữ trật tự, vệ sinh, phân phối thức ăn do Cao ủy mua. Mỗi gia đình có một thẻ tiếp tế do UBHC cấp. Mỗi sáng đưa thẻ đến ban ẩm thực, sẽ được lãnh gạo, thịt cá, rau đem về tự nấu lấy ăn. Chỉ có vài vòi nước công cộng nên nước dùng tắm rửa rất hạn chế. Phải sắp hàng đợi phiên mình lấy nước. Suốt ngày, đêm đều có người chờ cạnh vòi nước. Giành nước có khi gây xô xát, đánh lộn. Nhà cầu là một hệ thống mở, có thùng chứa phân, mỗi ngày có xe đến chở đi chôn, nên rất hôi hám, ruồi nhặng bu đầy. Đi cầu là cả một cực hình.

Mỗi trại viên tự ý ghi học ngoại ngữ mình cần. Trường Việt ngữ, có các lớp từ tiểu học đến lớp 12, để các em có thể tiếp tục học hành, trong khi chờ đợi ngày định cư. Thời gian này có thể kéo dài 4,5 năm. Khi rời trại các em được cấp chứng chỉ học trình để nộp ở trường nước nhập cư. Mỗi chiều trại viên lại tụ tập trước văn phòng ban thư tín để khi nghe tên mình vào lấy thư thân nhân ở trong nước hay ở hải ngoại. Nhất là chờ ngân phiếu của thân nhân đã định cư từ lâu, gửi cho để mua sắm thêm. Trại viên còn có thân nhân định cư gửi tiền thường đem cá thịt trại phát xuống cống rãnh và đi chợ mua cá thịt ngon hơn. Họ cũng sắm áo quần để đưa đòi chúng diện. Người ta mau quên những thiếu thốn ở quê nhà và hoang phí tiền thân nhân đã khó nhọc mới kiếm được. Thịt cá đổ xuống cống lộ thiên làm cho vệ sinh trại tồi tệ hơn.

Về giải trí có sân chơi bóng tròn, bóng rổ, cầu lông ngay ở trong trại. Về đêm có chiếu phim. Phần lớn là phim Hồng Kông, kiếm hiệp nhiều tập. Rất đông người xem và chen lấn dành chỗ hay xảy ra.

Về Y tế, có phòng khám bệnh do hai bác sĩ Phi đảm nhiệm. Cao ủy trả lương cho bác sĩ và mua thuốc cho trại viên. Phòng nha khoa có nha sĩ ngoại quốc thiện nguyện đến giúp. Hộ sản có một sơ người Úc điều hành. Bệnh nặng được chữa tại bệnh viện Puerto Princesa, hay gửi đi Ma-ni. Tuy nhiên sự chu cấp của Cao ủy có hạn. Vệ sinh trại, hệ thống cung cấp nước, hệ thống thoát nước, nhà cầu còn luộm thuộm. Vì là chỗ ở tạm, nên ai nấy cũng bằng lòng với tối thiểu vệ sinh và tiện nghi hiện có. Sau này các cơ quan từ thiện có cho tiền để đào thêm giếng, và sửa sang hệ thống thoát nước.

Trong trại cũng có nhiều đoàn thể. Mạnh nhất là Hội Cựu quân nhân, thứ nhì là hội Nam nữ thanh niên. Có hội đoàn gia đình phật tử, công giáo, hướng đạo v.v.. Vì có nhiều thì giờ rảnh rỗi nên các Hội đoàn hoạt động tích cực và giúp cho tình đồng hương thêm khắng khít. Nói chung các gia đình quân nhân, hoặc các gia đình tử tế, có học, có thân nhân ở ngoại quốc được đi định cư sớm. Thành phần phức tạp càng ngày càng đông, vì bị tù chối lúc phỏng vấn và thanh lọc về an ninh. Họ ở lại trại rất lâu, lập hai ra băng đảng, đe dọa, chèn ép những người cô thế. Thường các cựu quân nhân được bầu vào UBHC và giữ chức vụ chánh phó chủ tịch. Nếu là người thiếu đạo đức những quyền rữ về uy quyền làm họ chao đảo. Họ được chia những đồ ăn ngon và mang đến tận nhà. Những thiếu nữ đi một mình hoặc cha mẹ chết hết trên biển, dễ bị xiêu lòng, khi họ nâng đỡ lúc đầu rồi sau đó lợi dụng. Vừa mới ở trại tù công sản ra, đã thấy những xấu xa như bản của bọn cai tù, đã nếm những đau khổ triền miên, thế vẫn chưa tỉnh ngộ về chữ thiện. Có kẻ đến xin tôi cho toa thuốc mua thuốc cường dương. Trong trại sự chung đụng nam nữ là cả một vấn đề. Chỗ ở chật chội và không được ngăn cách. Mỗi tháng có đến 4,5 trường hợp phá thai. Cao ủy có cho phát thuốc ngừa thai và bọc cao su để ngăn chặn bớt nạn phá thai. Cũng có nhiều cuộc tình duyên thành tựu tại đây. Nạn đi diếm do các băng đảng chiêu mộ những cô gái dễ dãi và sống vội, hoặc muốn kiếm tiền dễ dàng. Song hoạt động họ cũng kín đáo, và do các băng đảng trong trại thông đồng với người Phi, nhất là quân nhân Phi phụ trách an ninh trại.

Nhưng có một chuyện mà lúc ở trại Hoạt phải can thiệp vào. Có một trại viên nguyên là đảng viên cộng sản. Cha y là người Bình thuận, tập kết ra Bắc, lúc về Nam là trung tá. Y sinh ra ở miền Bắc và được đào tạo từ nhỏ trong lò XHCN. Ở Nha-trang y là Thanh niên cộng sản HCM. Vì giỏi võ thuật, y đánh chết một đối thủ, con một đảng viên gộc, nên phải vượt biên để trốn tội. Không qua nổi thanh lọc, y ở lại trại đã hơn 5 năm. Y đứng đầu một băng đảng song lại rất ăn ý với UBHC trại (chắc họ bắt tay với y để khống chế các băng đảng khác) nên được làm trưởng ban tài chánh trại. Ăn cánh với ngân hàng Puerto Princesa, làm kinh tài cho UBHC (điều lệ trại cho UBHC thu 1% tiền ngân phiếu của trại viên), y sống phè phỡn. Y rất tàn bạo và hống hách. Có lần trước mặt tôi y đánh một trại viên rất tàn nhẫn. Tôi can thiệp y đã không nghe còn đe dọa cả tôi. Một lần khác tôi ra ủng cử trưởng khu, y đứng ngay cửa phòng phiếu đe dọa trại viên bầu cho người y đưa ra.

Vì thường làm việc ở bệnh xá trại, tiếp xúc với Bác sĩ Phi, tôi nhờ ông này cho tôi hẹn gặp thiếu tướng Phi. Một đêm ông dẫn tôi qua quân đoàn. Tôi trình bày với ông thiếu tướng rằng ở trại có những người dùng sức mạnh đe dọa người khác. Đã đến đất nước tự do mà còn phải sợ hãi và bị hiếp đáp. Ngày hôm sau ông tướng đã đến UBHC trại, quát tháo ầm ỹ, và buộc đuổi tên trưởng ban Tài chánh ra khỏi chức vụ đó, đồng thời đem nó về quân đoàn giam một tuần lễ. Sau đó tôi đã bị đe dọa trầm trọng nhưng được Hội cựu quân nhân bảo vệ. Mỗi khi tôi di chuyển đều có bốn quân nhân giỏi võ đi theo. Tối tôi thường đổi chỗ ngủ, và có bốn người hộ vệ ngủ bên cạnh. Tôi cũng trải qua một đêm hải hùng khi hai tên băng đảng xông vào chỗ tôi ngủ hành hung. Thấy người bảo vệ, chúng rút lui, song hai tên ấy bị Cao ủy bắt giam bên Quân đoàn cả tháng.

Tôi tổ chức lại hội Cựu quân nhân và được bầu lên làm hội trưởng. Với chức vụ này tôi cộng tác với ông Cao ủy để tổ chức một cuộc bầu cử trong sạch và có thể loại bỏ các thanh phần băng đảng ra ngoài UBHC. Sau khi tôi rời khỏi trại để đi định cư ở Canada, tôi được tin một quân nhân bảo vệ tôi bị đánh gãy cánh tay. Ba tên lưu manh đã bề hội đồng anh. Nhờ giỏi võ, anh ta thoát chết. Còn anh chủ tịch mới thì bị một tên khác ban đêm vào nhà chém. May mà chỉ rụng hai ngón tay.

Lúc ở trại, một lần đi chơi với ông Cao ủy. Ông ngừng xe lại ở một nghĩa địa gần trại và chỉ cho tôi xem ba nấm mộ với ba mộ bia bằng gỗ khắc tên Việt. Ông nói: "*đây là mộ của ba trại viên bị đâm chết mà không tìm ra thủ phạm. Họ cũng như anh, bất bình khi thấy bọn băng đảng hoành hành ở trại. Chưa kịp hành động gì cụ thể đã bị chúng thanh toán. Rất tiếc là đã bỏ ra bao công khó, vượt qua bao hiểm nguy, đau khổ, để đến bến bờ tự do. Đến bến vũng chắc rồi, thế mà lại ra nằm ở chỗ đìu hiu hút gió này nơi đất khách quê người. Chắc vợ con ở chốn quê nhà đau lòng biết mấy!*". Ông muốn khuyên tôi chớ dây vào bọn băng đảng mà có thể mất cơ hội tự do hạnh phúc ở quê hương thứ hai. Một lần, một tên anh chị đến khám bệnh tại bệnh xá trại đã nói thẳng với tôi: "*bác sĩ mà chọi với tôi, cũng như chén đất mà chọi chén kiểu, tôi mất ít mà bác sĩ mất nhiều đấy!*" Ông Cao ủy đã nhẹ nhàng đưa ra một lời khuyên. Tôi vẫn bản khoăn không biết ông đúng hay tôi đúng. Tuy nhiên tôi đã rất may mắn. Ngày đến Ma-ni ở trại tạm cư chờ lên máy bay đi Canada, mà ông cũng báo cảnh sát Phi che chở cho tôi. Ông đã đứng về phe tôi để cải thiện phần

nào đời sống ở trại, đồng thời ông cũng thấy đó là chuyện nhỏ. Còn nhiều chuyện lớn hơn phải lo. Vấn đề bằng đảng ở trại tạm cứ tị nạn sẽ biến đi khi trại không còn nữa, và ông biết trước không bao lâu nữa. Đã hơn 10 năm trôi qua ông vẫn còn là người bạn của tôi, hay bàn luận với nhau về triết học Kierkégaard, một người đồng hương với ông.

Ở đời người tốt thường là người ngu, họ nhận sự thiệt thòi cho mình, và để dành phần tốt, phần tiện nghi cho bạn mình, cho người khác. Cũng có thể gọi họ là kẻ khù khờ. Song cũng có câu Thánh nhân đãi khù khờ. Người không thương thì trời thương vậy. Tào tháo trong Tam quốc chí là một gian hùng. Trong lúc hoạn nạn bị truy nã, ông ta tá túc nhà một người bạn. Vì nghi bạn phản mình, Tháo giết cả gia đình bạn. Thật ra người bạn muốn làm thịt heo để đãi Tháo. Người đồng hành hỏi Tháo sao ác vậy. Tháo bảo : "**thà ta phụ người, chớ để người phụ ta. Vì khi họ phụ ta, ta hết đường sống**". Mấy ông cộng sản là những đồ đệ của Tháo. Người tốt thì nói: "**thà người phụ ta chớ ta không phụ người**". Họ là những người yêu trung thành. Huy cận có câu thơ :

*Cho những kẻ giả vờ duyên hứa hẹn
Tôi cũng cho trọn vẹn cả linh hồn.*

Don Quichotte cũng là một chàng khù khờ, sau khi đọc nhiều sách về hiệp sĩ đạo, náo nức muốn trở thành hiệp sĩ. Ông đã bán cả tài sản để sắm sửa áo giáp, ngựa, và thuê một người hầu. Chiến công đầu tiên là đấu với cối xay gió mà ông ta nhất quyết là những khổng lồ hại dân lành. Một vài thống kê cho rằng quyển Don Quichotte của Cervantès có số độc giả quán quân, chỉ đứng sau quyển Thánh kinh mà thôi. Tác giả nói lên được cái thực thực, hư hư của đời sống. Những người quá nghiêm túc như Mao, Staline, cài áo lên tận cổ, không cười bao giờ, lòng dạ sắt đá, say sưa đạt chủ đích, cũng có vài nét giống Don Quichotte. Nhưng họ lại là tai họa cho nhân loại. Những người không nghiêm túc với cuộc đời, thì lại:

*Vấn vấn, vợ vợ, cũng nực cười,
Cảm cảm, cụi cụi, mấy hơn ai ,
Nay còn chị chị, anh anh đó,
Mai đã ông ông, mụ mụ rồi.
Có có, không không, lo hết kiếp.
Khôn khôn, dại dại, ngoẻo chân đời.
Chi bằng láo láo, lơ lơ vậy.
Ngủ ngủ, ăn ăn, nói chuyện chơi.*

Họ xem đời như một hí trường, vui chơi, cười cợt cái ngây ngô người khác, hay của mình, cũng có nét giống Don Quichotte, loay hoay đánh cối xay gió, hoặc buộc người giữ sư tử, thả thú ra để giao đấu với mình. Ở Mỹ, học sinh trung học, lúc ra trường cùng nhau hát một bài hát khuyến khích hãy tạo cho mình một lý tưởng say sưa như Don Quichotte, một lý tưởng cuồng nhiệt nhất, rồi đeo đuổi thực hiện. Nhờ thế mới lên mặt trắng, mới khám phá những điều kỳ lạ nhất.

Tha Hương Ngô Cổ Tri

Từ ngày định cư ở Montréal, Canada, thâm thoát đã 20 năm. Thánh kinh bảo những ai đã ăn chung một đầu muối, sẽ thành bạn bè thân thiết. Đã cùng chung đựng trong một thời gian dài mới ăn hết một đầu muối. Trong hơn 10 năm tù đầy ở trại Tiên Lãng chắc chúng ta đã ăn chung rất nhiều đầu muối. Nhất là món ăn thường trực là nước muối hoặc mắm cái pha loãng (bọn cai tù sợ chúng ta gom muối để dành trốn trại, nên chẳng bao giờ cấp muối hột), chúng ta đã cùng ăn chung rất nhiều muối. Bởi thế thâm tình chúng ta khẩn khát biết bao. Mỗi lần đi Mỹ, các nước Âu Châu, hoặc vài nơi khác, tôi đều tìm đến bạn bè cựu tù Tiên Lãng để hàn huyên tâm sự.

Tôi đã ra mắt sách “Tình yêu hiện sinh”, hồi ký trại tù Tiên Lãng ở Vancouver, Seattle, Atlanta, Houston, Dallas. Tôi đã họp mặt nhiều lần với anh em cựu tù ở Westminster, Little Saigon, ở nhà anh Hồ Văn Sinh, và đã cùng nhau bầu ra Ban đại diện. Tôi đã nhiều lần thăm Houston và Dallas, mà lần cuối có xướng họa thơ như dưới đây:

25 May 2007, tôi ghé Houston và Dallas thăm quý bạn Đặng Diệu, Cao Điền, Nguyễn Thực, Phùng Văn Tư, Phạm Tấn Thát, Ngô Văn Ui, Nguyễn Đình Ba, Trần Hưng Kiệt, Lương Biểu v.v. Nói chung chừng 50 cựu tù Tiên Lãng. Ăn uống linh đình, nhắc chuyện xưa rôm rả, vui thật là vui, nhất là tình khẩn khát. Trong lúc trà dư, tửu hậu, có làm thơ xướng họa.

Bài xướng BS Phùng Văn Hạnh

*Lọm khộm thân già đến bạn chơi
Kỷ niên bảy sáu, tuổi xa trời
Xa quê yêu dấu thân lưu lạc
Biệt thuở tù đầy phận tả tơi
Nay muốn gần nhau nằm kế cận
Bù khi xa cách ở muôn nơi
Tìm già ảm áp tình đồng cảnh
Gói ghém yêu thương già cõi đời
Gói ghém yêu thương già cõi đời
Không nề giá vũ, đến từ trời
Phi trường dài đặc hành lang trái
Xa lộ tít mù, thời khắc trôi
Móc túi cối giày, qua kiểm soát
Ê lưng mỗi cổ, vượt xa xôi
Gặp nhau, mỗi mệt tiêu tan hết
Tay bắt, mặt mừng, hể hả cười*

Bài họa I: Đặng Diệu

*Dễ bốn năm rồi bác lại chơi
Này câu dưới đất, chuyện trên trời
Kiếp người vốn đã nhiều đau đớn
Nước Việt sao mà vẫn tả tơi
Dẫu được ngành Gia xây tổ ấm (1)
Có buồn cánh Lạc giạt trăm nơi (2)
Tuổi già càng dẻo dây nhân ái
Càng thắt tình thâm lúc cuối đời*

- (1) Gia nã Đại
- (2) Lạc Hồng

Bài họa II :Nguyễn Tấn Thát

Từ chốn xa xăm bác đến chơi

*Bác còn khỏe mạnh cảm ơn trời
Ngày xưa quê mẹ chưa lưu lạc
Một thuở vang danh bổng tả tôi
Mất nước vào tù bao uất hận
Lưu vong tán lạc khắp muôn nơi
Gặp rồi nhớ lại, thương nhau nhé
Kẻo lỡ mai đây, vắng bạn đời*

Bài Họa III: Lê tông Cũng

*Thật rất vui mừng, bác đến chơi
Cách nhau đã mấy chục năm trời
Mừng nay bác vẫn còn sung sức
Ngán thuở tù đầy rách tả tôi
Tâm sự hàn huyên ngôn bất tận
Mai này tôi bác biệt đôi nơi
Đồng hương, đồng cảnh, dù xa cách
Vẫn giữ tin yêu đến trọn đời*

Thư từ, điện thoại qua lại với anh em Tiên lãnh vẫn đều đặn. Anh Nguyễn thanh Viêm trong trại ở tổ đạn, bị thương hàn được chữa khỏi. Nay định cư ở Canberra, Úc, vẫn thường xuyên liên lạc và họa thơ. Giáng sinh 2005, dù đã 84 tuổi anh vẫn còn làm thơ tặng tôi, một bài thơ Đường, mà chữ đầu câu ghép lại thành câu "**Phùng Hạnh ân nhân, Thanh Viêm nhớ ơn**":

Nhớ ơn

thân kính tặng Bác sĩ Phùng Hạnh

***PHÙNG** thời được Bác sĩ đồng hương (1)
HẠNH phúc chữa lành được bệnh thương (2)
ÂN nghĩa chẳng quên người cứu mạng
NHÂN tình luôn nhớ bậc hiền lương
THANH danh tích đức được hưng thịnh
VIÊM tánh tu nhân hưởng thọ trường
NHỚ Bác sĩ vẫn thơ kính tặng
ƠN sâu chúc bửu quyển bình an
Canberra 14-12-2005*

(1) tôi với anh Viêm là đồng hương Quảng Nam
(2) bệnh thương hàn

Tôi đã hồi âm như sau:

Montréal January 3rd, 2006

K/g anh chi Viêm

Được thư chúc Giáng Sinh và Tết Dương Lịch của anh chi.

Thật quý hóa tấm lòng thân mến bạn bè. Xin gửi anh chị bài thơ đáp lễ:

*Anh Viêm, chị Trâm tình thăm thiết
Mừng Giáng Sinh, chúc Tết chúng tôi
Gửi tặng bài thơ tuyệt vời
Thâm sâu lời Phật, rạng ngời tình thương
Tuổi già có bạn chung chí hướng
Xây gia đình, an hưởng lộc trời
Qua bao đau khổ, chia phôi*

*Giờ nay đoàn tụ, thanh thoi, an toàn
Bao gia đình tan đàn, sẩy nghé
Gia đình mình suông sẻ, đủ đầy
Đông đảo cháu con vui vầy
Con thì hiếu hạnh, cháu ngay thảo tình
Nơi quê người học hành thành đạt
Sống tiện nghi, dư dật, ấm no
Tạ ơn Trời Phật ban cho
Tuổi già sức khỏe, tự do, an bình
Con cái thương, tận tình săn sóc
Từng miếng ăn, viên thuốc, chỗ nằm
Siêng năng, sớm tối viếng thăm,
Cầu cho cha mẹ trăm năm sống đời.
Sang năm sẽ sang chơi bên Úc
Sẽ đến thăm chúc phúc ông bà
Nhắc chuyện xưa chắc sa đà
Biết bao kỷ niệm gần xa, thân tình
Cuối thư chúc anh minh, sức khỏe
Sống lâu dài vui vẻ cháu con*

Mới đây có anh Hoàng ngọc Sách, tìm được số điện thoại của tôi, kêu thăm. Tôi không nhớ anh là ai. Song khi anh kể về chuyện tôi lấy con ong chun vào lỗ tai anh lúc ở trại Tiên Lãng thì tôi chỉ nhớ mang máng mà thôi. Tôi mới hỏi lại anh ta tôi đã làm cách nào để lấy con ong ra. Anh mới tả từng chi tiết, lúc ấy tôi mới nhớ ra.

Anh nói: “*Em hun khói để phá tổ ong ruồi lấy mật. Một con ong hốt hoảng chui vào lỗ tai em. Nó quậy làm em đau buốt óc, mà không biết làm sao lấy nó ra, vì nó chun sâu vào tận màng nhĩ. Ai động đến tai em thì con ong lại quậy mạnh đau không chịu nổi. Em phải xin cán bộ về tổ Y tế trại để chữa. Bác sĩ đã dùng nơu cùn pha loãng nhỏ vào tai để giết con ong. Lúc đầu nó còn cựa quậy. Chừng một phút sau nó nằm yên. Em thấy nhẹ nhõm vì không còn đau nữa. Sau đó bác sĩ rọi đèn pin vào để gấp con ong bằng một kèm y tế nhỏ. Nhưng nó ở sâu quá, mà mũi kèm không vào xa được. Bác sĩ lấy một cái sơ-ranh lớn, hút đầy nước sôi để nguội và bơm mạnh vào thành sau lỗ tai. Nước bơm vào đẩy con ong chết ra ngoài”*

Nhiều trại viên khu cách ly lao cũng viết thư cảm ơn, vì tôi đã vận động lập khu cách ly bằng cách nêu lên nguy hiểm lây lan đến cán bộ, và xin được thuốc bài lao do y tế quốc tế cấp, nên nhiều người đã được cứu khỏi bệnh hiểm nghèo.

Tưởng nhớ

Cha tôi qua đời cách đây một tháng. Con cái làm việc ở nơi xa đều tụ tập về để đưa người cha thân yêu đến nơi yên nghỉ cuối cùng. Sau an táng một tuần, lần lượt các anh chị tôi, trở về nhiệm sở làm việc. Có người theo chồng về tận Âu châu. Vài ba người khác ở bốn chân trời nước Mỹ rộng lớn. Ngay ở Canada cũng cách nhau hàng 600 km. Lại một lần ly tán. Nhớ hồi máy bay chở gia đình 6 người, từ trại tị nạn Palawan, hạ xuống phi trường Ottawa, ba anh lớn ra đón. Một đêm tháng năm. Qua một khúc gầy của hành lang dài dặc của phi trường, thấy mấy anh đang đợi. Uà chạy lại ôm chặt nhau. Bao nhiêu năm xa cách. Câu chuyện nở như bắp rang. Trên đường về nhà anh Trân, nhìn thành phố Ottawa, với những ngôi nhà thấp xinh xắn, những cao ốc nhấp nháy muôn vạn ánh đèn, giống như lạc vào cõi tiên. Đêm ấy cũng là đêm thần tiên đối với chúng tôi. Nhà anh Trân thuê nhỏ, vì anh ở một mình. Cả nhà 9 người trải ra lên tám phòng khách nằm chung để nói chuyện cho dễ. Tuy vui sướng, nhưng rồi giấc ngủ cũng đến, bắt đầu là mấy em nhỏ. Mới đó mà đã hơn 10 năm .

Tôi ở nán lại bên cạnh mẹ tôi, để bà bớt cô đơn, buồn thăm. Nhân rảnh rỗi, tôi xuống tầng dưới nhà để tìm lại những sách vở cũ mà tôi bỏ lại nhà cha mẹ, lúc đi lấy chồng . Tình cờ tôi thấy trên giá sách cái cặp cũ của cha tôi đầy ắp giấy tờ. Tôi mang lên phòng, mở ra xem. Đây là những bài cha tôi viết, lúc về hưu .Viết cho con cái, cho bạn bè. Có những sáng tác chưa hề đăng, hoặc viết lỏ dở .

Những năm cuối đời, vì mỗi con làm việc mỗi nơi, cha thường gửi E-mail để tâm tình với các con về mọi chuyện. Con còn nhớ một lần cha nói : "*ngày nào đó ba sẽ ra nằm một mình ngoài tuyết lạnh vĩnh viễn. Chắc buồn lắm!*" Cha đâu có buồn nữa ba! Chúng con mới buồn cha ạ. Ngày đưa cha ra nghĩa địa, một buổi chiều đông tuyết trắng xóa. Cây cối chỉ là những nhánh cành đen điu in lên bầu trời đục như sữa. Xứ lạ quê người. Buồn da diết. Ở nơi vĩnh hằng, chắc cha muốn các con cười lên, sống yên vui. Khi cha còn sống, mỗi lần mừng thọ cha chúng con viết trên thiệp: "to a special Dad". Vâng, cha đã trang bị cho chúng con những hiểu biết để vào đời với tự tin, những nguyên tắc để tổ chức một cuộc sống hài hòa giữa nội tâm và ngoại cảnh .

Có một chuyện cha kể xem như mẫu mực cuộc sống hài hòa. Đó là một truyện ngắn của một văn sĩ Pháp. Đại khái câu truyện như sau:

Trong một trường tiểu học vùng quê ở Pháp, ông giáo ra một đề luận cho học sinh : "*Các em đã học qua lịch sử nước ta và biết nhiều vị anh hùng. Em hãy tả vị anh hùng mà em ưa thích. Hãy nêu lên lý do vì sao ưa thích*". Cả lớp chăm chỉ làm bài. Riêng có một em bé, cần quản bút, ngồi tư lự. Thầy giáo đi qua thấy thế liền bảo : "*em lo làm bài đi chú, kẻo hết giờ*". Em bé đứng dậy, bèn lên, thủ thỉ vào tai thầy : "*Con thấy cha con là một vị anh hùng con ưa thích. Con muốn tả, song sợ lạc đề, nên do dự mãi*". Thầy giáo cũng ngạc nhiên, vì trong làng nhỏ mà ông dạy học, ông biết gần hết mọi người. Cha em bé là kỹ sư Thévol. Có gì mà anh hùng. Song ông nghĩ nên tôn trọng ý kiến của em bé, nên ông bảo : "*Nếu em thấy cha em là vị anh hùng mà em yêu thích thì em cứ tả*". Nó ngồi xuống, viết một mạch, và nộp bài đúng giờ .

Tối hôm ấy về nhà, ông tò mò lấy bài luận của em bé ra xem trước. Nó tả : "*Em có học lịch sử, và biết nhiều vị anh hùng như Jeanne D'Arc, Charlemagne, Napoléon v...v... Song không vị nào em ưa thích bằng cha em. Cha em là một vị anh hùng chân chính*" .

"Người ta bảo anh hùng thường rất mạnh. Cha em mạnh lắm. Cha em có thể chống hai gối, hai tay, bò quanh phòng, chở em và hai em nhỏ trên lưng, một cách ung dung, thỉnh thoảng vùng vẫy và rống lên như con bò vậy. Mạ em kể cũng mập và nặng. Thế mà cha em có thể bế mạ lên thang lầu dễ dàng, vừa đi vừa cười" .

"Người ta nói anh hùng rất thông minh. Cha em thông minh lắm. Bài toán nào khó em hỏi, ba cũng giải đáp rõ ràng. Các câu hỏi khoa học cũng thế. Những thắc mắc của em thường ngày, đều được cha giải thích tường tận .

"Người ta bảo anh hùng giúp ích mọi người. Cha em cũng thế. Mỗi lần em theo cha đi chơi quanh làng. Ai ai cũng niềm nở cảm ơn cha em :- "Chào ông Thévol, ông chữa máy bơm nước cho tôi bây giờ chạy rất tốt" .- "Cảm ơn ông Thévol, ông chữa cái truyền hình của tôi, bây giờ hình ảnh rất rõ".

"Tóm lại cha em là một vị anh hùng mà em thích nhất. Cha em đem lại vui vẻ cho con cái, hạnh phúc cho gia đình, tiện nghi, thoải mái cho mọi người. Các vị anh hùng trong sử sách, ngoài việc hữu ích cho xã hội, còn mang lại chiến tranh, chết chóc. Với ba em, chỉ có hòa bình và an lạc".

Với chuyện kể vừa rồi, chắc cha muốn khuyên chúng con có cuộc sống bình thường, hòa hợp với xã hội. Là người cha tốt, là người mẹ gương mẫu, là người có ích cho những người chung quanh. Đừng có tham vọng làm anh hùng lớn, nhưng là những anh hùng nhỏ vô danh như ông Thévol. Cũng như ở Canada người ta vinh danh một thiếu nữ nhảy xuống sông để vớt người suýt chết đuối.

Trong một Email khác cha viết: Đừng có ảo tưởng cải tạo xã hội. "Vivre et laisser vivre". Sống và để người khác sống. Nếu mỗi người bình thường chu toàn bổn phận mình, xã hội sẽ tiến bộ trong hòa bình hạnh phúc. Những người có tham vọng lớn như Hitler, Staline, Mao, Hồ, là những người gây xáo trộn lớn trong xã hội, gây nên những đợt sóng thần, xô ngã các gia đình yên vui trôi giạt trong đóm đau, tan nát. Hai câu thơ của Nguyễn công Trứ:

*Làm trai đứng giữa trong trời đất ,
Phải có danh gì với núi sông .*

đưa thanh niên Việt vào con đường kiếm danh. Có người đã đốt một trong 8 kỳ công thế giới, mong có danh để lại đời sau. Danh cụ Nguyễn nói dĩ nhiên là danh thơm. Song lắm người muốn kiếm danh lắm, như họ Hồ chẳng hạn , tự ví mình như đức Trần hưng Đạo, tiêu diệt các đảng phái đối lập, để độc quyền đi vào lịch sử. Dĩ nhiên không phải là danh thơm mà là **ô danh**. Nếu cụ Trứ sống đến ngày nay chắc là cụ sẽ viết:

*Làm người trên cõi đời bi thảm
Phải sống hài hòa với anh em.*

Milan Kundera trong "Immortality", mô tả bao nhiêu người vì muốn đi vào bất tử, đã hành động lỗ lãng. Tính bất tử gắn liền với tài ba thật sự. Goethe không đi tìm bất tử, song những say mê của Goethe làm các thế hệ theo sau say mê theo .

Câu chuyện trên y như là mẫu mực mà cha đã theo. Chúng con quên sao được những ngày thơ, cha bày đồ chơi mới mua ra chơi với chúng con. Cha đã làm ngựa cho chúng con cưỡi. Mỗi lần té đôn cục là một trận cười nghiêng ngửa. Nhớ những ngày hè ở bãi biển Sơn Chà, cha tập chúng con bơi lội. Nhớ những tối cha làm bài với chúng con. Mùa thi lục cá nguyệt cha ôn bài giùm chúng con. Ngày gia đình vượt biên, thuyền chật hẹp, không có chỗ nằm ngủ, cha dắt con ra be thuyền. Cha nằm ngoài con nằm trong. Nhờ vậy con mới ngủ được một giấc ngon lành. Dĩ nhiên là ba phải thức, nắm chặt điểm tựa, để khỏi rơi xuống biển. Các anh lớn kể là lúc cha còn làm bệnh viện Đà-nẵng, mỗi lần đi ra phố, hoặc về chơi các huyện loe xa, thế nào cũng có vài người chào cha mà cha không biết. Hỏi ra thì là những người bị thương tật, đã được cha chữa khỏi:

- Bác sĩ không nhớ tôi ? Tôi bị đạn gãy cánh tay. Bác sĩ đã chữa cho lành.
- Tôi bị bỏng vì bom xăng. Bác sĩ đã vá da cho. Chắc bác sĩ quên tôi rồi.

Có một bác nông phu gặp cha, năn nỉ mời cả gia đình mình về nhà ông ăn bắp nướng. Xưa kia ông bị đau lưng, sau khi bưng một nong tầm nặng. Lưng đau đến nỗi ông không làm thể đi làm được và gia đình sa sút. Sau khi được cha giải phẫu, chữa lành, ông ta có thể cày bừa lại được, gia đình nay dư ăn .

Cha thường nhấn mạnh đến lòng bác ái . "Charity begins at home". Nếu không thương yêu người thân trong gia đình, thì bác ái đối với đồng loại chỉ là giả dối. Bác ái từ trong những cử chỉ nhỏ nhặt hàng ngày. Nhà giáo dục Mỹ Henry James có nói : "Three things in human life are important .The first is to be kind .The second is to be kind .The third

is to be kind". (có ba điều quan trọng trong cuộc đời, thứ nhất là yêu thương, thứ hai là yêu thương, thứ ba cũng là yêu thương). Luôn luôn hòa nhã, khả ái thông cảm với mọi người. Giận dữ là không bác ái. Nói xấu là không bác ái. Hãy giữ lòng thanh thản trong mọi tình huống. Như thế ta mới tạo nên một môi trường hòa hợp thân thiện. Ngạn ngữ Đức có câu : "Eine schoene gesicht ist nich jedem gegeben, aber eine freundlich gesicht, konnen wir alle machen"(một bộ mặt đẹp, không phải ai cũng có, song một bộ mặt thân thiện thì ai ai cũng làm được). Mỗi người có một thú thông minh riêng. Kẻ thông minh về toán. Kẻ thông minh về thương mại. Song mọi người cần phải có thông minh luân lý (intelligence morale). Một trẻ nhỏ có thông minh luân lý sẽ cố gắng học hành, ngoan ngoãn, vì biết đó là những điều mẹ cha mong mỏi. Lúc đầu nó không rên rĩ để giảm bớt lo âu của người thân. Đi bên đâu khổ kẻ khác mà dừng dừng, là không có thông minh đó. Lắng nghe, chú ý đến tâm tư kẻ khác, biết và trấn trở khi mình chán êm nệm ấm, mà người khác đói khát lạnh lẽo, là có thông minh luân lý. Thông minh này đưa ta đến cử chỉ bác ái. Thông minh này cần được dạy dỗ, phát triển nơi em bé. Hồi còn bé, cha hay dẫn chúng con đến chơi những gia đình nghèo khổ, và chúng con tự mình cho họ tiền dành dụm. Nhiều trẻ em nghèo lảng giềng đến nhà mình, chia đồ chơi với chúng con. Cha cũng nuôi trẻ em hè phố trong nhà. Là chủ tịch hội phụ huynh học sinh cha đã cấp nhiều học bổng cho học sinh nghèo. Cha mẹ thường cho chúng con tiền riêng để tự mua sắm những gì mình thích, nhưng phải trích ra 1% để cho từ thiện. Khi chúng con đến tuổi lớn khôn, cha thường cư xử với chúng con như bạn. Chúng con không có tuổi phản kháng, bởi vì chúng con có thể tâm sự với cha về tình yêu, về những khủng hoảng của tuổi dậy thì. Mẹ cũng như cha, là người bạn tâm tình của chúng con.

Cha có viết cho chúng con một bài thơ :

*Một lần ba lái xe ngoài phố,
Trong đám người vĩa hè lối nhớ,
Tiếng Trần kêu ba thật rõ to.
Tim cha rộn ràng vui hết cỡ.
Chậm xe cha ghé lại bên lề.
Các con ùa tới nhảy vào xe,
Nói cười ríu rít bầy chim sẻ:
"May gặp cha, khỏi đi bộ về."
Không vui sao được, hỏi các con.
Cha sống bao năm trên thế gian.
Giữa triệu triệu người đi sóng bước
Bảy miệng kêu cha, thật véo von.
Ôi bảy thiên thần của mẹ cha.
Nâng niu, yêu quý, phúc chan hòa
Tuổi thơ kỷ niệm đầy, trân quý.
Tổ ấm trần gian, sống thiết tha.
Những ngày cộng sản chiếm quê hương,
Cửa nhà, sự nghiệp thấy tiêu tan
Mẹ cha rút cuộc bàn tay trắng,
Của quý nay còn, bầy các con.
Mười năm tù tội, đầy gian khổ,
Hình ảnh các con luôn nhắc nhở,
Cho ba phấn đấu, vượt gian nan.
Đáp lại hận thù bằng yêu thương.*

Bài thơ này cha làm vào năm thứ 10 tù tội. Chúng con hay chọc quê cha. Anh Trần nói là chúng con chiều dụ cho cha thêm bảy miệng kêu cha nữa đó. Cô út nhí nhảnh hỏi : "*kêu cha thật véo von là nghe có âm nhạc trong đó, phải không cha ? Tại sao cha không viết bảy miệng kêu ba thật dễ thương? Có phải dễ thương là khi nhìn, còn nghe thì phải là véo von*"?

Trong thư cuối cùng ba viết cho chúng con: Gia đình mình sum họp ở xứ người với hai bàn tay trắng. Cơ quan từ thiện cho áo quần, bàn ghế, giường tủ. Các con đã cố gắng học hành để giành một chỗ đứng trong xã hội mới một xã hội cạnh tranh cao độ. Nhiều khi khuya thức dậy, thấy các con ngồi giữa chồng sách cao, thương các con quá. Chúng mình ở trong căn hộ thuê có ba phòng ngủ. Ba cậu con trai một phòng. Ba cô con gái một phòng. Ngủ chung trên sàn gỗ thêm ấm ở xứ lạnh khủng khiếp. Mẹ các con đi làm ban ngày, song vẫn lo nấu nướng, cung cấp cho cả nhà những món ăn nóng, ngon. Mẹ còn lo cho các con bữa ăn trưa buổi đêm đến trường. Những ngày ấy thật ấm cúng và đậm tình thương. Thấy mẹ cực khổ, các con thường ôm mẹ và ao ước khi ra đi làm, sẽ mua cho mẹ xe Mercedes, mua vé máy bay cho mẹ đi du lịch. Nay các con đều ra trường và có nghề nghiệp vững chắc, có gia đình riêng, có nhà riêng rộng rãi, tiện nghi. Cha mẹ cũng có xe riêng, nhà riêng để dưỡng già, cũng đã đi du lịch. Chỉ tiếc là các con không gom lại một chỗ. Thời làng xã nhỏ hẹp đã qua. Thời quả đất của loài người đang hình thành. Cha mẹ cảm ơn các con đã thương yêu cha mẹ nhiều và đem nhiều niềm vui cho cha mẹ lúc tuổi già cũng như trong quá khứ. Các cháu cũng mang lại cho ông bà những niềm vui êm dịu và sâu xa.

Ngày già của cha, áo quần các con sắm cho vào dịp lễ, dư thừa. Các con lo liệu cho ba từ khăn lau nhỏ, giày dép, thuốc men. Ngoài ra còn nhắc nhở ba đi bác sĩ thường xuyên để sống lâu cùng chúng con. Ngày mới yêu nhau, ba mẹ cùng đọc quyển "Treize à la douzaine" của Galbraith thấy một gia đình đông con vui quá, bèn có ý ấy. Nếu không có biến cố năm 75, có lẽ gia đình mình cũng đông hơn. Mỗi con, mỗi người một vẻ, làm vui thêm cuộc sống. Mãi đến ngày hôm nay, cha mẹ sống chung với hai gia đình nhỏ các con, dưới một mái nhà. Trong nhà lúc nào cũng có tiếng trẻ bi bô, chạy nhảy, bữa ăn đông người rộn tiếng cười. Những dịp lễ, các con ở xa về tụ họp, nói chuyện tíu tít, chọc phá nhau làm cha mẹ trẻ lại thời còn sinh viên. Cha có một người bạn, sau khi có đứa con đầu lòng, thề quyết sẽ không có thêm đứa con nào nữa. Nó nói cuộc đời bi thảm lắm. Mình đã lao đao vì cuộc sống, trần trở về những phi lý đời người. Nay lại mang vào đời một phi lý khác. Rồi con mình cũng chạy theo những thúc bách nhân sinh, những hư ảo mà Bossuet đã nói: "*Hư ảo của hư ảo tất cả đều là hư ảo*" (vanité des vanités tout est vanité). Vâng, nhìn các con lo lắng trong những kỳ thi, chạy đua với thì giờ, năm liệu, bảy lo để tổ chức đời sống gia đình nhỏ của các con, ba không khỏi nghĩ là bạn cha có lý phần nào.

Cuộc đời bản chất vốn bi thảm. Nietzsche trong Ecce homo nói về Văn minh Hy Lạp và chủ nghĩa bi quan viết những câu đối thoại sắc bén. Midas hỏi Silène về cái gì quý nhất cho con người. Silène đáp: "*hời loại sâu bọ đáng thương, kẻ chỉ sinh ra bởi tình cờ và đau xót, tại sao người buộc ta phải nói những điều chẳng làm người vừa lòng khi nghe. Điều quý giá nhất, mà người không bao giờ chấp nhận được, là đừng sinh ra, không hiện hữu, chẳng là gì cả Điều quý giá thứ hai là người hãy chết sớm*". Nhưng người Hy Lạp đã tự chế ngự nỗi bi quan của mình bằng nghệ thuật và bằng ảo ảnh. Họ đã để lại những đền đài, điêu khắc, thơ ca, kịch nghệ, và cả triết học thâm thúy nữa. Các con hãy chế ngự nỗi cô đơn và bi thảm đời mình bằng nghệ thuật sống mà các triết gia nhân bản đã phác họa. Cha con mình đã nhiều lần ngồi lại bàn thảo về tư tưởng của Kierkegaard, Jaspers, Heidegger, Nietzsche.. Kierkegaard trình bày nhiều lối sống để chúng ta chọn lựa.

Cốt yếu là lựa chọn đầy ý thức và trách nhiệm. Đức tin tôn giáo và sự hy sinh chấp cánh cho ta trong hành động. Nietzsche khơi dậy ý chí hùng cường theo nhiều lối khác nhau tìm cách điếm xuyết đời mình một hướng đi lên tốt đẹp và thánh thiện. "*Hôn nhân là ý chí hùng tráng để cùng sáng tạo một duy nhất cao hơn những kẻ sáng tạo ra nó*". Hệ thống hóa hiện sinh như Hegel, Marx đưa đến những sai lầm nghiêm trọng, bởi vì con người chưa hiểu hết, và chẳng bao giờ hiểu hết hiện sinh đang đổi thay không ngừng. Biện chứng pháp, không nắm được bản chất của thực tại, đã khiến triết gia hiện đại không sử dụng đến nữa. Thay thế vào đó là hiện tượng luận (phénoménologie). Jaspers, với tất cả sự sáng suốt, quân bình dẫn ta vào kho tàng khôn ngoan nhân loại, và tự mình tìm ra lối sống khôn ngoan. Tình yêu hiện sinh, chú không phải từ chối hiện sinh, mang lại cuộc đời mọi giá trị. Và lại không hiện hữu, con người làm sao có thể phán đoán, đo lường, so sánh, kết án hiện sinh.

Chúng ta bước vào đời không có sự đồng ý của chúng ta, sống không thể hoàn toàn theo ý mình muốn, rồi chết cũng ngoài dự tưởng. Rõ ràng không phải ta làm chủ vận mạng mình, mà là một đấng tối cao, là Thượng Đế. Và một khi Người đã xuống thế gian mặc lấy thân xác con người, để chỉ chúng ta lối sống. Ta được an ủi biết mấy. Cô đơn, bi

thâm cuộc đời Người đã sống qua. Lời dặn dò Người đã để lại. Chúng ta sẽ sống theo lời dặn dò ấy. Chúng ta đi qua cuộc đời này một lần, và một lần mà thôi. Những điều tốt đẹp gì chúng ta có thể làm được, những ưu ái gì chúng ta có thể dành cho đồng loại, chúng ta làm ngay, không chần chừ, không trao lại cho ai, không chần chờ, bởi vì chúng ta không còn cơ hội nữa. Người dặn dò "yêu người như mình ta vậy". Vậy ta phải biết yêu ta, để đời ta mang nhiều vui tươi, phần khởi rồi ta yêu người như ta vậy.

Triết gia Descartes đã nói: Je pense donc je suis (tôi suy tư tức là tôi tồn tại). Ông không nói: tôi cảm giác tức là tôi tồn tại. Descartes đã đặt nặng đời sống tinh thần, tâm linh. Ông hàng xóm của mình ở Montréal, người Canadien chính gốc treo trước nhà một biểu ngữ: « Je choisis le bonheur » (tôi chọn Hạnh phúc). Ông giải nghĩa cho cha rằng mục đích cuộc đời là đi tìm hạnh phúc, và ông ta tìm cảm giác vui thú.

Nhưng Alexander Solzhenitsyn nói người ta sinh ra để rồi chết. Chết ở tuổi 89, A.Solzhenitsyn, người được giải Nobel, đã minh chứng phần nào những điều ông ta phát biểu với sinh viên ĐH Havard 30 năm về trước. Năm 1994 ông trở về Nga, quê hương mà 50 năm về trước ông bảo vệ chống Đức quốc xã xâm lăng, và chống **“tai họa của nền nhân bản thiếu tâm linh và vô tôn giáo”** (như ông phát biểu ở ĐH Havard) cho đến cuối đời. **“Nếu nhân loại có lý khi cho rằng con người sinh ra để được hạnh phúc, thì con người đã chẳng phải chết”**: Câu phát biểu của ông trước cử tọa sinh viên năm 1968 đã làm họ bàng hoàng. Điều đáng bàn cãi trong phát biểu của Solzhenitsyn không phải ở chỗ người ta sinh ra để chết. Sinh viên Havard đã bàng hoàng vì, cũng như bao nhiêu người đương thời, đều cho rằng sự chết là nguyên do và lý lẽ vì sao tìm kiếm hạnh phúc thế gian là mục tiêu của hiện sinh con người. Solzhenitsyn không đồng ý. Ông cho ý niệm ấy là sự cốt hoá (ossified: cứng nhắc) của tiêu đề trường phái Khai sáng (enlightenment: philosophical movement in Europe in which reason and individualism were emphasized at the expense of tradition)

Đa số sinh viên và giáo sư ngồi nghe văn sĩ lưu đày Nga nói đều tin tưởng rằng mục đích của xã hội là giảm bớt sự khổ đau của nhân loại và xây đắp hạnh phúc. Họ tưởng những quyển sách xoay chuyển thế giới “một ngày trong đời của Ivan Desinovich” và “Quần đảo Goulag” có mục đích phá hủy xã hội Xô Viết vì nó không giam được đau khổ, cũng như không đem lại hạnh phúc. Họ đã nhầm. Solzhenitsyn không thích xã hội vật chất, đi tìm hạnh phúc bằng mọi giá của xã hội Mỹ (lâu đài Playboy của Hugh Hefner, màn thoát Y Las Vegas, kỹ nghệ dục tình và ấu dâm, những chuyến cruise hào nhoáng, ca khúc “the material girl” của Madonna, đời sống dịu ngọt dolce vita ở Ý v...v...) nên ông vội vã quay về Nga sau khi CS sụp đổ.

Solzhenitsyn đã sô sát với hệ thống Xô Viết vì hệ thống này có ý và tự xưng là bước vào thời kỳ Khai Sáng. Nếu người hậu Khai Sáng thấy rằng hiện sinh có hạn, nên phải đi tìm hạnh phúc trên thế gian, chứ không còn mục đích nào khác, thì người tiền Khai Sáng nhận xét rằng **“cơ thể mình được tạo ra để chết và hủy hoại” sẽ kết luận rằng “nhiệm vụ trên trần thế rõ ràng là có một ý hướng tâm linh.”** Người Hậu Phục Hưng(post- Renaissance) nói: “Mục tiêu của đời sống là hạnh phúc vì chúng ta sẽ chết, Người Tiền Phục Hưng(pré-Renaissance) bảo “Mục đích của cuộc sống không phải là hạnh phúc, bởi vì anh sẽ chết. A.Solzhenitsyn là người Tiền Phục Hưng.

Là một bậc sư của văn chương thế kỷ 20, Solzhenitsyn không thua kém tiền bối Leo Tolstoy thế kỷ 19. Solzhenitsyn có tài kể một câu chuyện, vẽ khung cảnh, và xác định nhân vật. Ông ta có con mắt nghệ sĩ và lời nói của tiên tri Sấm truyền cũ. Ông là một người thần trí bị chà đạp (alienated) bởi thời đại vật chất XHCN, nhưng ông không dễ bị thuyết phục và khó bị hủ hóa hay sợ sệt. Ông không thích Âu Mỹ. Các thức giả Tây phương đã nhận ra: Trong chiến tranh lạnh, ông là kẻ thù của kẻ thù ta, nhưng không phải là bạn ta.

Solzhenitsyn. cái cợ chính yếu là với triết gia Hòa Lan Erasmus ở Rotterdam, chứ không phải với Stalin. Erasmus đã dẫn dắt nhân loại thế kỷ 15 vào đường sai lạc với những tư tưởng lấy con người là trọng tâm (anthropocentric ideas). Solzhenitsyn cho rằng hệ thống CS mà ông khinh chê như là một hệ lụy không tránh khỏi bắt nguồn từ nhân bản Erasmus. Ông đã phát biểu ở Harvard: **“chúng ta đã đặt quá nhiều hy vọng vào cải cách xã hội và chính trị, để cuối cùng thấy rằng chúng ta đã mất một vốn liếng quý là đời sống tâm linh.**

Vâng mục đích cuộc đời là khai sáng tâm linh. Những gì tốt đẹp, cao cả, sâu xa, huyền nhiệm chúng ta kết hợp và sống với tất cả tâm tình. Chính cách sống ấy mang lại niềm vui, hạnh phúc tuyệt vời. Không đặt hạnh phúc là mục tiêu mà chúng ta đi vào cõi Thiên đàng cả trên trần thế và thế giới vĩnh hằng.

Có thể nói chúng ta là nòi tâm linh, được sinh ra ở gian trần, chứ không là một hữu thể nhân hình do tiến hóa Darwin mà ra, từ khi tập tành đời sống con người

*Ta sống cuộc đời nhân loại
Gốc nguồn ta vẫn là nòi tâm linh
không phải hữu thể nhân hình
Tập tành cuộc sống tâm linh trên đời*